TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 885/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 23 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 781/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Văn T; sinh năm 1982; thường trú: X Lô M, chung cư số 1 Tôn Thất T, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Số X đường số Y, Khu phố Z, phường Bình Thuận, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.
- Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1985; thường trú: X Lô M, chung cư số 1 Tôn Thất T, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Hộ Đỗ Tiến H, Tổ X, phường I, thành phố Plei.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn T và bà Đỗ Thị T được xác lập vào năm 2012, có đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự hiện đang cư trú tại Quận 7 và có đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Khoản 2 Điều 29, Điều 35; Điểm h Khoản 2 Điều 39 Bộ Luật tố

tụng Dân sự năm 2015 thì đây là việc thuận tình ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Sau khi sống chung giữa ông Lê Văn T và bà Đỗ Thị T có phát sinh mâu thuẫn, đồng thời cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy tình cảm giữa ông Lê Văn T và bà Đỗ Thị T đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Lê Văn T và bà Đỗ Thị T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Về con chung:

Trong quá trình chung sống các đương sự xác nhận không có con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Đỗ Thị T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận hôn nhân số 69, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/11/2012).

- Về con chung: Các đương sự xác nhận không có.

-Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có.

-Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0031869 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND Phường 1, Quận 4, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (TK.Loan).

THẨM PHÁN

Nguyễn Chí Hiếu